

Số: 1700/QĐ-UBND

Hương Sơn, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯƠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách quyết hà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho UBND các xã, phường;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND xã Hương Sơn: số 14/NQ-HĐND ngày 22/12/2025 về việc Phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026; số 15/NQ-HĐND ngày 22/12/2025 về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (Theo các biểu kèm theo Quyết định này):

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã, Trưởng các phòng: Kinh tế, Văn hóa - Xã hội các phòng, ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhân:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính Hà Tĩnh;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- Ban Kinh tế - Ngân sách;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã;
- UBMTTQ, các ban ngành đoàn thể xã;
- Phòng giao dịch số 03 - KBNN KV XII;
- Thôn trưởng các thôn;
- Lưu: VP, TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hồ Thái Sơn

Phụ lục: 01

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1700/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Hương Sơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ghi chú
1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	298.149	
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	76.969	
1	Thu NSDP hưởng 100%	1.075	
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	75.894	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	221.180	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	172.321	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	48.859	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	298.149	
I	Tổng chi cân đối NS xã	298.149	
1	Chi đầu tư phát triển	61.200	
2	Chi thường xuyên	232.614	
3	Dự phòng ngân sách	4.335	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯƠNG SƠN

Phụ lục: 02

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1700/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Hương Sơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tỷ lệ điều tiết(%)			Dự toán tỉnh giao		Dự toán năm 2026		Ghi chú
		NSTW	NSDP, sau khi trừ NSTW hưởng (%)						
			NS tỉnh	NS xã	Thu NSNN	NS xã hưởng	Thu NSNN	NS xã hưởng	
a	b	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG THU NSNN				70.530	65.069	90.530	76.969	
I	Thu xã hưởng 100%				1.075	1.075	1.075	1.075	
1	Thu phí, lệ phí			100%	400	400	400	400	
2	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác			100%	100	100	100	100	
3	Thu khác ngân sách			100%	500	500	500	500	
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100%	75	75	75	75	
II	Thu xã hưởng theo tỷ lệ %				69.455	63.994	89.455	75.894	
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh		50%	50%	15.000	7.500	15.000	7.500	
2	Thuế thu nhập cá nhân		50%	50%	5.000	2.500	5.000	2.500	
3	Lệ phí trước bạ		50%	50%	9.000	4.500	9.000	4.500	
4	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	15%	50%	50%	450	191,25	450	191,25	
5	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản		50%	50%	5	2,5	5	2,5	
6	Thu tiền sử dụng đất				40.000	49.300	60.000	61.200	

STT	Nội dung	Tỷ lệ điều tiết(%)			Dự toán tỉnh giao		Dự toán năm 2026		Ghi chú
		NSTW	NSDP, sau khi trừ NSTW hưởng (%)						
			NS tỉnh	NS xã	Thu NSNN	NS xã hưởng	Thu NSNN	NS xã hưởng	
a	b	1	2	3	4	5	6	7	8
	- Tiền đất giao xã thu	15%	30%	70%	40.000	23.800	60.000	35.700	
	- Tiền đất tỉnh thu (200 tỷ)	15%	80%	15%		25.500		25.500	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯƠNG SƠN



Phụ lục: 03

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1700/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Hương Sơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng dự toán	Ghi chú
1	2	3	4
	Tổng chi (A+B)	298.149	
A	Chi cân đối NS xã	293.814	
I	Chi đầu tư phát triển	61.200	
	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất được để lại theo quy định	61.200	
	<i>Phân bổ như sau:</i>		
1	Thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	6.120	
2	Tiết kiệm 5% dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	3.060	
3	Chi đầu tư cho các dự án	52.020	
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>		
	- An ninh, trật tự, an toàn xã hội	1.500	
	- Sự nghiệp văn hóa	1.500	
	- Sự nghiệp giáo dục	7.546	
	- Sự nghiệp kinh tế	30.877	
	- Sự nghiệp môi trường	3.097	
	- Sự nghiệp thị chính	7.500	
II	Chi thường xuyên	232.614	
1	Quốc phòng	2.764	
-	Kinh phí chi trả chế độ dân quân tự vệ	2.524	
-	Kinh phí hoạt động	240	
2	An ninh, trật tự, an toàn xã hội	440	
-	Chi hoạt động an ninh	440	
3	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	107.319	
3.1	Sự nghiệp giáo dục	106.006	
-	Quỹ tiền lương	79.092	
-	Quỹ tiền thưởng	4.346	
-	Tăng lương theo định kỳ	1.800	
-	Kinh phí hoạt động thường xuyên	11.813	
-	Kinh phí quản lý chung toàn ngành	1.500	
-	Kinh phí thực hiện các chính sách cho học sinh và giáo viên	2.278	

Số TT	Nội dung	Tổng dự toán	Ghi chú
1	2	3	4
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm cơ sở vật chất phục vụ dạy học	4.556	
-	Chi các hoạt động khác	500	
-	Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán DAS; MISA	93	
-	Kinh phí trung tâm học tập tập cộng đồng	28	
3.2	Sự nghiệp đào tạo	1.313	
	Trung tâm chính trị xã	1.313	
-	Quỹ tiền lương, phụ cấp	502	
-	Quỹ tiền thưởng	31	
-	Kinh phí hoạt động	80	
-	Thực hiện các nhiệm vụ đào tạo được giao	700	
4	Sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	150	
5	Sự nghiệp văn hóa TT, TDTT	815	
-	Chi hoạt động văn hóa, thể thao và truyền thông	450	
-	Chi phát thanh, truyền thanh	120	
-	Kinh phí đảm bảo thực hiện cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh"	245	
6	Sự nghiệp kinh tế	29.916	
6.1	SN kiến thiết thị chính, dịch vụ công ích	3.000	
6.2	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã	1.013,754	
-	Quỹ tiền lương, phụ cấp	725,554	
-	Quỹ khen thưởng	57,068	
-	Quỹ lương BC chưa tuyển dụng	115,633	
-	Kinh phí hoạt động thường xuyên	115,499	
6.3	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	699	
6.4	Kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	857	
6.5	Quản lý, bảo trì, bảo dưỡng đường bộ năm 2026	880	
6.6	Sự nghiệp nông, lâm nghiệp - thủy lợi	5.500	
6.7	Sự nghiệp giao thông	2.700	
6.8	Sự nghiệp Công Thương	266	
6.9	Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, chi khác sự nghiệp kinh tế	15.000	
7	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	2.500	
8	Quản lý NN, KP Đảng, Đoàn thể	30.525	
8.1	HĐND-UBND	15.648	
8.1.1	Hội đồng nhân dân	1.868	
-	Quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	986	

Số TT	Nội dung	Tổng dự toán	Ghi chú
1	2	3	4
-	Quỹ tiền thưởng	37	
-	Kinh phí hoạt động thường xuyên	119	
-	Kinh phí thực hiện các chế độ cho đại biểu HĐND xã	426	
-	Phục vụ bầu cử QH và HĐND các cấp	300	
8.1.2	Ủy ban nhân dân	13.780	
-	Quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	11.338	
-	Quỹ tiền thưởng	370	
-	Kinh phí hoạt động thường xuyên	1.153	
-	Tăng lương định kỳ	95	
-	Kinh phí chi hoạt động Thanh tra nhân dân	10	
-	Kinh phí gia hạn phần mềm Kế toán MISA; DAS	45	
-	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, các nhiệm vụ khác	400	
-	Kinh phí hỗ trợ cán bộ trực tiếp làm việc tại TTHC công; cán bộ tiếp công dân	69	
-	Trích lập quỹ thi đua khen thưởng	299	
8.2	Đảng ủy	9.951	
-	Quỹ tiền lương	6.334	
-	Quỹ tiền thưởng	210	
-	Tăng lương định kỳ	17	
-	Kinh phí hoạt động thường xuyên	643	
-	Kinh phí trao tặng huy hiệu Đảng	1.611	
-	Kinh phí hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng (Theo QĐ 99)	85	
-	Kinh phí thực các chính sách theo Quyết định 44/QĐ-TU	385	
-	Hỗ trợ cán bộ làm công tác cơ yếu	16	
-	Hỗ trợ hoạt động Ban công tác 35	250	
-	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, các nhiệm vụ khác	400	
8.3	Ủy ban MTTQ	4.861	
-	Quỹ tiền lương	4.469	
-	Quỹ tiền thưởng	83	
-	Tăng lương định kỳ	7	
-	KP Chi hoạt động	282	
-	Hỗ trợ hoạt động Ban giám sát cộng đồng	10	
-	Hỗ trợ hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ	10	
8.4	Chi hoạt động các tổ chức hội khác	65	

Số TT	Nội dung	Tổng dự toán	Ghi chú
1	2	3	4
9	Đảm bảo xã hội	54.609	
-	Tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	356	
-	Kinh phí chi trả hưu xã theo QĐ 130/QĐ-CP	1.193	
-	Trợ cấp thường xuyên đối với thanh niên xung phong	20	
-	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi	309	
-	Kinh phí thực hiện chính sách chế độ ưu đãi NCC, thân nhân người có công với cách mạng, người trực tiếp tham gia kháng chiến	30.349	
-	Kinh phí mai táng phí cho các đối tượng theo Nghị định 150; Nghị định 157; Quyết định 290; Quyết định 49; Quyết định 62	889	
-	Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội tại cộng đồng; trợ cấp hưu trí xã hội	16.241	
-	Các hoạt động cứu tế, đảm bảo xã hội khác	280	
-	Đóng BHYT cho người có công; BTXH, hưu trí xã hội, CCB, người nghèo	4.972	
10	Chi các nhiệm vụ phát sinh đột xuất, các nhiệm vụ chi khác ngân sách	3.576	
B	Dự phòng ngân sách	4.335	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯƠNG SƠN

Phụ lục: 4

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026 CỦA CÁC TRƯỜNG HỌC

(Kèm theo Quyết định số 1700/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Hương Sơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng dự toán	Ghi chú
I	Khối Mầm non	23.964,323	
1	Trường MN thị trấn Phố Châu	9.340,427	
2	Trường MN Sơn Bằng	2.977,477	
3	Trường MN Sơn Trung	5.051,316	
4	Trường MN Sơn Phú	2.967,993	
5	Trường MN Sơn Ninh	3.627,110	
II	Khối Tiểu học	38.136,916	
1	Trường TH Thị trấn Phố Châu	15.029,645	
2	Trường TH Sơn Bằng	5.125,216	
3	Trường TH Sơn Phú	5.602,782	
4	Trường TH Sơn Trung	7.198,668	
5	Trường TH Sơn Ninh	5.180,604	
III	Khối THCS	33.150,192	
1	Trường THCS Nguyễn Tuấn Thiện	19.666,275	
2	Trường THCS Trung Phú	13.483,917	
	Tổng cộng (I+II+III)	95.251,432	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯƠNG SƠN

Phụ lục: 05
DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số: 1700/NQ-HĐND, ngày 31/12/2025 của UBND xã Hương Sơn)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã phân bổ	Nhu cầu vốn giai đoạn 2026-2030	Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2026	Ghi chú
		Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ra quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					
				Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách xã				
a	b	c	d	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ (I+II+...+V)			151.935	-	60.628	139.087	61.200	
I	Thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất							6.120	
II	Tiết kiệm 5% dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ							3.060	
III	Dự án hoàn thành trước 31/12/2025 phân bổ vốn trong năm 2026			51.327	0	47.938	51.327	363	
1	Nhà học 3 tầng 15 phòng Trường Tiểu học thị trấn Phố Châu	Số 497/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	UBND thị trấn Phố Châu (cũ)	12.000		11.177	12.000	46	
2	Đường GTNT xã Sơn Bằng huyện Hương Sơn	Số 1480/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	UB huyện Hương Sơn (cũ)	12.671		10.962	12.671	21	
3	Xây dựng mạng lưới nước sạch xã Sơn Bằng	Số 1417/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	UB huyện Hương Sơn	10.934		10.811	10.934	53	
4	Xây dựng mạng lưới nước sạch xã Sơn Trung	Số 1535 ngày 16/4/2025	UB huyện Hương Sơn (cũ)	11.497		11.488	11.497	44	
5	Phục hồi, nâng cấp mặt đường bê tông bằng bê tông nhựa trên địa bàn xã Hương Sơn năm 2025	Số 1150 ngày 04/11/2025	UBND xã Hương sơn	4.050		3.500	4.050	23	
6	Quy hoạch tổng mặt bằng điểm dân cư nông thôn tại thôn Trà Sơn, Ngọc Tĩnh, xã Sơn Ninh (tỷ lệ 1/500)	Số 61/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	UBND xã sơn Ninh (cũ)	114			114	114	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã phân bổ	Nhu cầu vốn giai đoạn 2026- 2030	Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2026	Ghi chú
		Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ra quyết định phê duyet	Tổng mức đầu tư					
				Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách xã				
a	b	c	d	1	2	3	4	5	6
7	Quy hoạch tổng mặt bằng điểm dân cư nông thôn xen dăm đồng Trọt Vại, thôn Lâm Thành, xã Sơn Trung (tỷ lệ 1/500)	Số 71/QĐ-UBND ngày 03/9/2024	UBND xã Sơn Trung (cũ)	62			62	62	
IV	Các dự án chuyển tiếp			23.107	-	12.690	10.260	10.260	
1	Đường giao thông kết nối Đường mòn Hồ Chí Minh đi thôn Cửa Nương, xã Hương Sơn	Số 1093 ngày 27/10/2025	UBND xã Hương sơn	3.350		2.890	310	310	
2	Đường giao thông thôn Trung Thị và thôn Ninh Xá, xã Hương Sơn	Số 1167 ngày 07/11/2025	UBND xã Hương sơn	2.257		2.000	250	250	
3	Cổng chào xã Hương Sơn	Số 1464 ngày 15/12/2025	UBND xã Hương sơn	3.500		200	3.300	3.300	
4	Lắp đặt hệ thống đèn led trang trí trên các trục đường khu vực trung tâm xã Hương Sơn	Số 1466 ngày 15/12/2025	UBND xã Hương sơn	6.000		1.800	4.200	4.200	
5	Sửa chữa khắc phục sụt lún đường Đình Nho Hoàn, thôn 1, xã Hương Sơn	Số 1487 ngày 16/12/2025	UBND xã Hương sơn	1.000		-	1.000	1.000	
6	Bãi đậu xe Hải Thượng và các công trình phụ trợ khu vực mộ Hải Thượng Lãn Ông	Số 150 ngày 24/10/2024	UBND xã Sơn Trung (cũ)	7.000		5.800	1.200	1.200	
V	Công trình khởi công mới			77.500	-	-	77.500	41.397	
1	Xây dựng hạ tầng khu dân cư thôn Trà Sơn - Ngọc Tĩnh, xã Hương Sơn			15.000			15.000	9.397	
2	Cải tạo nâng cấp sân và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Phố Châu, xã Hương Sơn			3.000			3.000	1.000	
3	Cải tạo, sửa chữa các dãy nhà học, nhà hiệu bộ, nhà bếp trường Mầm non thị trấn Phố Châu, xã Hương Sơn			2.500			2.500	2.500	
4	Đường giao thông nông thôn xã Hương Sơn năm 2026			2.000			2.000	1.500	
5	Cải tạo phục hồi mặt đường bê tông xi măng bằng bê tông nhựa trên địa bàn xã Hương Sơn năm 2026			9.000			9.000	6.000	
6	Xây dựng hệ thống mương thủy lợi xã Hương Sơn			6.500			6.500	4.000	
7	Cải tạo, mở rộng bãi xử lý rác thải xã Hương Sơn			3.000			3.000	3.000	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã phân bổ	Nhu cầu vốn giai đoạn 2026-2030	Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2026	Ghi chú
		Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ra quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					
				Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách xã				
a	b	c	d	1	2	3	4	5	6
8	Tích tụ ruộng đất khu vực thôn Tân Bình và thôn Trung Thị, xã Hương Sơn			2.000			2.000	2.000	
9	Bổ sung, hoàn thiện cơ sở vật chất Trung tâm hội nghị xã Hương Sơn			3.000			3.000	3.000	
10	Xây dựng hạ tầng khu dân cư thôn Lâm Thành, xã Hương Sơn			7.500			7.500	4.000	
11	Trùng tu, tôn tạo Đền thờ Nguyễn Tuấn Thiện, xã Hương Sơn			1.500			1.500	1.500	
12	Lắp đặt hệ thống Camera giám sát an ninh trên các tuyến đường giao thông xã Hương Sơn			1.500			1.500	1.500	
13	Dãy nhà hiệu bộ kết hợp các phòng chức năng trường Mầm non Sơn Trung, xã Hương Sơn.			9.000			9.000	1.000	
14	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông kết nối Trường THCS Trung Phú đến Chợ Rạp, xã Hương Sơn			12.000			12.000	1.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯƠNG SƠN

Phụ lục: 07
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số: 1700/NQ-HĐND, ngày 31/12/2025 của UBND xã Hương Sơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư (dự kiến)	Dự kiến kế nguồn vốn đầu tư				Chi chú
			Tổng	Trong đó:			
				Ngân sách xã	Nguồn khác (Vốn CTMTQG xây dựng NTM)	Nguồn vốn khác	
	TỔNG CỘNG (I+II)	77.500	77.500	75.000	2.000	500	
1	Xây dựng hạ tầng khu dân cư thôn Trà Sơn - Ngọc Tĩnh, xã Hương Sơn	15.000	15.000	15.000			
2	Cải tạo nâng cấp sân và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Phố Châu, xã Hương Sơn	3.000	3.000	3.000			
3	Cải tạo, sửa chữa các dãy nhà học, nhà hiệu bộ, nhà bếp trường Mầm non thị trấn Phố Châu, xã Hương Sơn	2.500	2.500	2.500			
4	Đường giao thông nông thôn xã Hương Sơn năm 2026	2.000	2.000	1.500		500	
5	Cải tạo phục hồi mặt đường bê tông xi măng bằng bê tông nhựa trên địa bàn xã Hương Sơn năm 2026	9.000	9.000	8.000	1.000		
6	Xây dựng hệ thống mương thủy lợi xã Hương Sơn	6.500	6.500	5.500	1.000		
7	Cải tạo, mở rộng bãi xử lý rác thải xã Hương Sơn	3.000	3.000	3.000			
8	Tích tụ ruộng đất khu vực thôn Tân Bình và thôn Trung Thị, xã Hương Sơn	2.000	2.000	2.000			
9	Bổ sung, hoàn thiện cơ sở vật chất Trung tâm hội nghị xã Hương Sơn	3.000	3.000	3.000			
10	Xây dựng hạ tầng khu dân cư thôn Lâm Thành, xã Hương Sơn	7.500	7.500	7.500			
11	Trùng tu, tôn tạo Đền thờ Nguyễn Tuấn Thiện, xã Hương Sơn	1.500	1.500	1500			
12	Lắp đặt hệ thống Camera giám sát an ninh trên các tuyến đường giao thông xã Hương Sơn	1.500	1.500	1.500			
13	Dãy nhà hiệu bộ kết hợp các phòng chức năng trường Mầm non Sơn Trung, xã Hương Sơn.	9.000	9.000	9.000			
14	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông kết nối Trường THCS Trung Phú đến Chợ Rạp, xã Hương Sơn	12.000	12.000	12.000			

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯƠNG SƠN

